TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 25-8-2025
V/v tranh chấp yêu cầu không công nhân quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Lâm Kim Mến.

Bà Đào Đắc Cẩm Tú.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 8 – Cần Thơ tham gia phiên toà: Ông Đặng Văn Tài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 8 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 56/2025/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2025 về việc "Tranh chấp không công nhận quan hệ vợ chồng, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim C, sinh ngày 04/7/1992 (Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1989 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp L, xã N, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 3 năm 2025, nguyên đơn bà Trần Kim C trình bày:

Bà Trần Kim C với ông Nguyễn Văn N cưới nhau năm 2013, không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống quan điểm không phù hợp dẫn đến không có tiếng nói chung. Nay bà C yêu cầu không công nhận bà và ông N là vợ chồng.

Về con chung: Bà C và ông N có 01 con chung là Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 29/8/2014. Bà C yêu cầu được quyền nuôi con chung, không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N:* Toà án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử theo trình tự thủ tục tố tụng dân sự, nhưng ông N vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, cũng không nộp văn bản thể hiện ý kiến cho Toà án.

- *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28 tháng 4 năm 2025, con chung Nguyễn Trần Gia B trình bày:* Khi cha mẹ không còn sống chung với nhau cháu có nguyện vọng sống với mẹ là bà Trần Kim C.

- *Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, xét xử vụ án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử và đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Kim C và ông Nguyễn Văn N. Về con chung: Đề nghị giao cho bà C được quyền trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 29/8/2014 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu ông N cấp dưỡng nuôi con nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét và đề nghị tuyên về án phí theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn: Nguyên đơn bà Trần Kim C và bị đơn ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm lần thứ hai nhưng vắng mặt, bà C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, ông N vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt bà C và ông N.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Việc tranh chấp giữa nguyên đơn bà Trần Kim C và bị đơn ông Nguyễn Văn N là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Bà C và ông N tự

nguyện chung sống với nhau từ năm 2013 nhưng đến nay không đăng ký kết hôn. Xét thấy, hôn nhân giữa bà Trần Kim C và bị đơn ông Nguyễn Văn N là vi phạm về đăng ký kết hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Nay bà C yêu cầu Tòa án tuyên bố giữa bà với ông N sống chung không phải là quan hệ vợ chồng, Hội đồng xét xử thống nhất căn cứ khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà C và ông N.

[3] Về con chung: Bà C và ông N có 01 con chung là Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 29/8/2014, hiện đang sống chung với bà C. Xét thấy, hiện nay cháu Nguyễn Trần Gia B đang sống chung với bà C và có nguyện vọng sống chung với bà C, bà C cũng yêu cầu được quyền nuôi chung. Do đó, căn cứ vào nguyện vọng của con và nhằm để ổn định cuộc sống hiện tại, không làm ảnh hưởng đến tâm lý, việc học của con chung thì cần thiết giao con chung cho bà C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Ông N được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; bà Trần Kim C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án; Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim C đối với bị đơn ông Nguyễn Văn N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà Trần Kim C và ông Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao cho bà Trần Kim C được quyền trực tiếp nuôi con chung là Nguyễn Trần Gia B, sinh ngày 29/8/2014 cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Văn N được quyền thăm nom con chung Nguyễn Trần Gia B, không ai được quyền cản trở.

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn bà Trần Kim C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Kim C và ông Nguyễn Văn N không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Bà Trần Kim C phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu Tạm ứng án phí, Lệ phí Toà án số 0008470 ngày 19/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên (Nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 – Cần Thơ). Bà Trần Kim C đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

7. Về việc thi hành án: Trong trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền yêu cầu thi hành án, thoả thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND TP Cần Thơ;
- VKSND khu vực 8 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 8 – Cần Thơ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Ái Mỹ